

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ NINH BÌNH
TỈNH NINH BÌNH**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 14/2019/HS-ST
Ngày 28/02/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NINH BÌNH - TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Việt Thanh

Các hội thẩm nhân dân: Bà Đồng Thị Thanh Hương; Bà Nguyễn Thị Thịnh.

- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên tòa: Bà Bùi Thị Linh Chi – Thư ký Toà án nhân dân thành phố B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phụng - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 12/2019/HS-ST, ngày 28/01/2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2019/QĐXXST-HS ngày 14/02/2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: Phạm Văn Q, sinh năm 1996 tại B; Nơi ở và nơi ĐKKHKT: thôn Đồng Q, xã N, huyện H, tỉnh N; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Phạm Văn K và con bà: Vũ Thị T ;Vợ, con: chưa có; Tiền án, Tiền sự: chưa có.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 27/12/2018 đến ngày 02/01/2019 chuyển tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh B cho đến nay, có mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Vũ Thị T, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Thôn Đồng Q, xã N, huyện H, tỉnh N. Có mặt.

Người làm chứng:

Anh Bùi Xuân H, sinh năm 1996.

Địa chỉ: số nhà 57, ngõ 184, đường Nguyễn Việt X, phố Đ, phường B, thành phố N, tỉnh N. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Văn Q và Tạ Văn Đ là bạn bè, khoảng 10 giờ 55 phút ngày 27/12/2018 Q gọi điện thoại rủ Đ sang thành phố Z chơi, Đ đồng ý. Sau đó Q điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Nouvo RC biển kiểm soát 35B1- 759.04 đến nhà đón Đ đi cùng (Đ là người điều khiển xe). Do có nhu cầu muốn mua ma túy để sử dụng nên khi Đ chở Q đi qua cầu S cách khoảng 300m, thuộc thôn D, xã Y, huyện Y, tỉnh N, Q bảo Đ dừng xe ở ngoài đường đứng đợi còn Q đi bộ vào một ngõ nhỏ và đi đến một ngôi nhà ở ven đường, Q gõ cửa gọi “*Anh ơi*” thì có người đàn ông trong nhà thò tay qua lỗ cửa. Q đưa cho người trong nhà 300.000 đồng, người này cầm tiền rồi đưa lại cho Q 01 gói nhỏ được gói ngoài bằng túi nilon màu trắng kích thước khoảng (1x1) cm bên trong là chất tinh thể màu trắng. Mua được ma túy, Q cầm ở tay phải rồi đi ra chỗ Đ đợi và bảo Đ chở về thành phố B. Khoảng 12 giờ 20 phút cùng ngày, khi về đến khu vực đường Lương Văn T, phố 4, phường Đ Thành, thành phố B thì gặp Tổ công tác Công an phường A, thành phố B phối hợp với Công an phường Đ Thành, thành phố B đang làm nhiệm vụ dừng xe kiểm tra. Q xuống xe còn Đ (do không đội mũ bảo hiểm, không có Giấy phép lái xe) điều khiển xe mô tô bỏ chạy. Q biết không che dấu được hành vi, nên đã đưa gói ma túy vừa mua ra giao nộp cho Tổ công tác và khai nhận gói đó là ma túy của Q mua về để sử dụng. Tổ công tác đã niêm phong vật chứng theo đúng quy định của pháp luật và đưa Q cùng vật chứng về trụ sở Công an phường Đ Thành lập biên bản tiếp nhận người phạm tội. Ngoài ra còn thu giữ của Phạm Văn Q 01 điện thoại di động Nokia 105 màu xanh, đen. Đến khoảng 12 giờ 30 phút cùng ngày Tạ Văn Đ đến cơ quan Công an làm việc và giao nộp 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Nouvo RC biển kiểm soát 35B1- 759.04.

Cân xác định khối lượng chất tinh thể màu trắng trong túi nilon thu giữ của Phạm Văn Q có khối lượng là 0,3025 gam ký hiệu M gửi giám định để xác định loại ma túy, khối lượng chất ma túy.

Tại bản Kết luận giám định số 73/KLGD - PC09 - MT ngày 29/12/2018 của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh B kết luận: Mẫu chất dạng tinh thể màu trắng gửi giám định ký hiệu M có khối lượng 0,3025 gam là ma túy, loại Methamphetamine. Methamphetamine là chất ma túy thuộc bảng Danh mục II, số thứ tự 323; Nghị định số 73/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ. Cơ quan giám định hoàn lại đối tượng giám định gồm: Chất dạng tinh thể màu trắng còn lại trong mẫu giám định ký hiệu M có khối lượng 0,2408 gam là ma túy loại Methamphetamine cùng toàn bộ vỏ, bao gói niêm phong được niêm phong trong một phong bì ghi số 73/KLGD- PC09- MT theo đúng quy định của pháp luật.

Tại bản Cáo trạng số 14/CT-VKS ngày 24/01/2019 Viện kiểm sát nhân dân thành phố B đã truy tố bị cáo Phạm Văn Q về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c, khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Phạm Văn Q đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng viện kiểm sát truy tố là đúng và xin giảm nhẹ hình phạt.

Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 màu xanh, đen là của Q không liên quan đến việc phạm tội. 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Nouvo RC biển kiểm soát 35B1- 759.04, quá trình điều tra xác định nguồn gốc số tiền mua xe là của bà Vũ Thị T sinh năm 1972, trú tại thôn Đồng Q, xã N, huyện H, là mẹ đẻ của Q. Bà T không biết việc Q sử dụng xe mô tô trên đi mua ma túy. Cơ quan điều tra đã trả số tài sản trên cho bà T, bà T đã nhận lại tài sản, không có đề nghị gì.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố: bị cáo Phạm Văn Q phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Áp dụng điểm c, khoản 1 Điều 249, điểm s, điểm r, khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Văn Q từ 15 tháng tù đến 18 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 18/12/2018.

Áp dụng điều 47 BLHS, Điều 106 BLTTHS: Tịch thu tiêu hủy số ma túy còn lại cùng vỏ gói ban đầu thu giữ của bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng: Hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố B, của Điều tra viên, Kiểm sát viên, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố B trong quá trình điều tra truy tố, xét xử đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục được quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Tại phiên tòa bị cáo Phạm Văn Q đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án như vật chứng đã thu giữ; kết luận giám định và phù hợp với lời khai của người làm chứng. Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận hành vi cất giữ trong người 0,3025gam Methamphetamine là chất ma túy (Methamphetamine là chất ma túy thuộc bảng Danh mục II, số thứ tự 323; Nghị

định số 73/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ) của Phạm Văn Q để sử dụng cho bản thân, đã cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c, khoản 1, Điều 249 Bộ luật hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B truy tố bị cáo với tội danh và khung hình phạt nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo mang tính nghiêm trọng, nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm việc quản lý độc quyền của Nhà nước đối với các chất ma túy, là một trong những nguyên nhân làm phát sinh các tệ nạn xã hội, ảnh hưởng xấu đến trật tự, an toàn xã hội ở địa phương. Bị cáo tuổi đời còn trẻ nhưng không có ý trí tu dưỡng rèn luyện bản thân để trở thành người có ích cho gia đình và xã hội, mà lao vào con đường nghiện ngập để thỏa mãn nhu cầu của bản thân dẫn đến việc phạm tội. Do đó, hội đồng xét xử thấy cần buộc bị cáo phải chịu mức hình phạt tù có thời hạn, cách ly bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian tương xứng với tính chất, hành vi mà bị cáo đã thực hiện mới có đủ sức răn đe, giáo dục, cải tạo bị cáo góp phần phòng ngừa chung trong xã hội.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; Khi bị yêu cầu kiểm tra hành chính, bị cáo đã tự giác giao nộp gói ma túy vừa mua cho Công an. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s, điểm r, Khoản 1, Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo; Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo tàng trữ ma túy để sử dụng cho bản thân, không mang mục đích vụ lợi, vì vậy không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[3] Về nguồn gốc số ma túy: Q khai mua của một người không quen biết thuộc thôn D, xã Y, huyện Y, tỉnh N. Do Q không nhớ đặc điểm của ngôi nhà trên, nên Cơ quan điều tra không đủ cơ sở để xác minh làm rõ. Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 màu xanh, đen là của Q không liên quan đến việc phạm tội. 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Nouvo RC biển kiểm soát 35B1- 759.04, quá trình điều tra xác định mặc dù xe mang tên Phạm Văn Q nhưng nguồn gốc số tiền mua xe là của bà Vũ Thị Thơ, là mẹ đẻ của Q, bà Thơ không có bằng lái xe nên mua xe để Q đứng tên làm phương tiện đi lại của gia đình. Bà Thơ không biết việc Q sử dụng xe mô tô trên đi mua ma túy. Cơ quan điều tra đã trả số tài sản trên là điện thoại di động và xe mô tô cho bà Thơ là người được Q ủy quyền là phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] Đối với Tạ Văn Đ quá trình điều tra xác định, Đ không biết Q mua ma túy và không biết Q cất giấu ma túy trong người. Khi Đ chở Q về đến khu vực đường Lương Văn T, phố 4, phường Đ Thành, thành phố B bị Tổ công tác yêu cầu dừng xe để kiểm tra vì Đ không đội mũ bảo hiểm và không có giấy phép lái xe nên đã điều khiển xe bỏ chạy. Do đó Cơ quan CSĐT công an thành phố B không có căn cứ xử lý đối với Tạ Văn Đ.

Bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm c, khoản 1 Điều 249; điểm s, điểm r, khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Phạm Văn Q phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

Xử phạt: Bị cáo Phạm Văn Q 15 (Mười lăm) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 27/12/2018.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự :

- Tịch thu tiêu hủy số ma túy còn lại cùng toàn bộ vỏ bao gói trong gói niêm phong ban đầu thu giữ của bị cáo Phạm Văn Q.

(Vật chứng có đặc điểm theo như biên bản giao nhận vật chứng ngày 24/01/2019 giữa Công an Thành phố B và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B).

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Khoản 2 Điều 136 Bộ Luật tố tụng hình sự; Điều 6, khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án bị cáo Phạm Văn Q phải nộp 200.000^d (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm, bị cáo, Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- TANDTỉnh B;
- VKSNDTP B;
- Chi Cục THADS thành phố B;
- Công an thành phố B;
- Sở tư pháp tỉnh B;
- THA hình sự
- Bị cáo;
- Lưu HS vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trịnh Việt Thanh

